

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 201/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị D, sinh năm 2005

Địa chỉ: 6, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn N kết hôn với nhau vào năm 2023 trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn; được UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 11/3/2024.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc; nhưng sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi vã trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với ông N, quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông N.

Về con chung: Tôi và ông N không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn N trình bày:

Ông và bà Lê Thị D kết hôn với nhau vào năm 2023 trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn; được UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 11/3/2024. Ông và bà D phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01/2024; bà D đã bỏ nhà ra đi rất nhiều lần. Ông và bà D đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà D yêu cầu thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà D không có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị D.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Nguyễn N.

+ Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị D, bị đơn ông Nguyễn N có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”, quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Nguyễn N tự nguyện kết hôn, được UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày

11/3/2024. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa bà **Lê Thị D** và ông **Nguyễn N** là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà **D** khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông **N** là trầm trọng, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Bà **D** xác định không còn tình cảm với ông **N** và yêu cầu xin ly hôn với ông **N**.

Bị đơn ông **Nguyễn N** trình bày tình trạng hôn nhân giữa ông và bà **D** là có xảy ra mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay. Ông **N** đồng ý ly hôn với bà **D**.

Theo lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà **D** và ông **N** là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều có nguyện vọng ly hôn; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị D** về việc xin ly hôn với ông **Nguyễn N**.

[3.2] Về con chung: Bà **D** và ông **N** trình bày không có con chung, nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà **D**, ông **N** trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà **D**, ông **N** trình bày không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà **Lê Thị D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 8, 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị D**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị D** được ly hôn với ông **Nguyễn N**.

2. Về con chung: Không có; không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Lê Thị D** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà **D** đã nộp, theo Biên lai thu số 0015376 ngày 05/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà **D** phải chịu. Bà **D** đã nộp xong.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đường sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phước

Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Phạm Ngọc Quyền

